

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2025/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Kiên Giang tại Tờ trình số 66/TTr-SGTVT ngày 24 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 3 năm 2025./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, gồm:

- Hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa.
- Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường; xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; xe cứu hộ giao thông.
- Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Quy định này không áp dụng đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, những cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị là việc các tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hóa trên đường bộ trong đô thị.
- Hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ là hoạt động kinh doanh vận tải

hành khách và vận tải hàng hóa, gồm các loại hình được quy định cụ thể tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

3. Xe vệ sinh môi trường là các loại phương tiện chuyên dụng hoặc được thiết kế cải tạo để phục vụ vệ sinh môi trường như: xe chở rác, xe ép rác, xe quét đường, xe rửa đường, xe tưới cây và các loại xe tương tự.

4. Vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải rời là quá trình chở vật liệu xây dựng, phế thải rời như xi măng, sắt, thép, cát, đá, gạch, vật liệu nội thất, vật liệu ngoại thất và vật liệu nặng khác từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình (nơi phát sinh) đến nơi xử lý.

5. Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời là các loại phương tiện chuyên dụng hoặc được thiết kế cải tạo để vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải rời như: xe tải tự đổ, xe tải thông thường, xe chuyên dùng trộn bê tông, xe máy kéo kéo rơ moóc chở vật liệu xây dựng và các loại xe tương tự chở vật liệu xây dựng, phế thải rời.

Điều 4. Quy định chung

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo thông suốt, trật tự, an toàn và hiệu quả, phải tuân thủ theo quy định về tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; thực hiện theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy tắc giao thông đường bộ, tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

4. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô, xe trung chuyển, xe taxi và hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 45 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép hoạt động.

2. Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác.

3. Khi thực hiện việc thay thế hoặc đầu tư mới xe buýt thì đơn vị kinh doanh vận tải phải sử dụng phương tiện sử dụng nhiên liệu điện, năng lượng xanh theo lộ trình tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải cacbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô; hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

1. Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô: Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

2. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định theo quy định tại khoản 7 Điều 56 của Luật Đường bộ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Phương tiện vận tải hành khách bằng xe trung chuyển: Được phép hoạt động trung chuyển hành khách trên địa bàn các huyện, thành phố nơi đơn vị kinh doanh

vận tải có tuyến vận tải hành khách cố định đang khai thác theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, phê duyệt.

Điều 7. Hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng

1. Phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng:

a) Được lưu thông trên các tuyến đường trong đô thị, trừ các tuyến đường cấm theo quy định.

b) Được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch nhưng phải tuân thủ quy định của chính quyền địa phương theo phân cấp về tổ chức giao thông.

c) Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch... được thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch và đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường.

2. Hoạt động kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 56 của Luật Đường bộ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

2. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy định tại khoản 9 Điều 56 của Luật Đường bộ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Hoạt động vận tải đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh

Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh theo quy định tại Điều 46 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 10. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyên hành khách theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 56 và Điều 66 của Luật Đường bộ; Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị và thời gian, phạm vi hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong vận chuyển hành khách bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Việc kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ phải tuân thủ nguyên tắc, quy định về phương tiện, người điều khiển phương tiện, phạm vi hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNG HÓA

Điều 12. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Khi vận chuyển động vật sống, thực phẩm tươi sống phải thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Khi vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, phải thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

5. Xe chở hàng trong đô thị phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị; chấp hành nghiêm các quy định đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thực hiện việc lên xuống hàng hóa tại các kho, bãi theo quy định, không lấn chiếm vỉa hè, hành lang đường bộ làm điểm tập kết lên xuống hàng hóa.

Việc dừng xe, đỗ xe phải chấp hành đúng các quy định tại Điều 18 của Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Điều 13. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Không chở hàng hóa công kênh và quá tải trọng cho phép chở của xe, gây cản trở mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA XE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG; XE Ô TÔ CHỖ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, PHÉ THẢI RỜI; XE CỨU HỘ GIAO THÔNG

Điều 14. Hoạt động vận tải của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; xe cứu hộ giao thông đường bộ

1. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời khi vận tải hàng hóa phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố và không gây ô nhiễm trong suốt quá trình vận chuyển; Trường hợp để rơi, vãi vật liệu xây dựng, phế thải rời xuống đường thì đơn vị vận tải và người lái xe phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay, đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

2. Hoạt động vận tải của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời và xe cứu hộ giao thông đường bộ phải tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 44; điểm đ khoản 1 Điều 47; điểm đ khoản 1 Điều 49; Điều 54 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

Điều 15. Thời gian hoạt động

1. Xe vệ sinh môi trường

a) Đối với các tuyến đường trong đô thị loại 1 và loại 2 trên địa bàn tỉnh, thời gian hoạt động từ 21 giờ 00 phút đến 05 giờ 00 phút sáng hôm sau, trên các tuyến đường từ vị trí tập kết đến nơi xử lý rác, trừ trường hợp khẩn cấp có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với các tuyến đường trong đô thị còn lại trên địa bàn tỉnh, thời gian hoạt động từ 20 giờ 00 phút đến 05 giờ 00 phút sáng hôm sau, trên các tuyến đường từ vị trí tập kết đến nơi xử lý rác, trừ trường hợp khẩn cấp có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Xe chở vật liệu xây dựng, phế thải rời, xe cứu hộ giao thông đường bộ được phép hoạt động 24/24 giờ hàng ngày trên các tuyến đường bộ trong đô thị nhưng phải chấp hành nghiêm các quy định đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ, không dừng xe, đỗ xe lấn chiếm vỉa hè, hành lang đường bộ khi lên xuống hàng hóa vật liệu xây dựng, phế thải rời.

Chương V

TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Điều 16. Quy định phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho Người khuyết tật là ô tô khách thành phố phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 82:2019/BGTVT về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

2. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ).

Điều 17. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Trong năm 2025 các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký khai thác tuyến cố định bằng xe buýt hoạt động trong đô thị phải bảo đảm có ít nhất 10% trong tổng số phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Từ năm 2026 đến hết năm 2030, có ít nhất 20% trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

3. Từ năm 2031, có ít nhất 30% trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân

1. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo thẩm quyền; phối hợp với UBND cấp huyện, đơn vị liên quan tham mưu, thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho Người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

b) Chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện tuyên truyền, triển khai Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

c) Phối hợp với UBND cấp huyện rà soát, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung hệ thống báo hiệu đường bộ trong đô thị cho phù hợp với Quy định này.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh được Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải; phối hợp với các lực lượng chức năng khác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của chủ xe, người điều khiển xe theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quy định này.

e) Theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này, tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời khi có yêu cầu.

2. Công an tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo Phòng cảnh sát giao thông, Công an cấp huyện tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo Quy định hiện hành và theo Quy định này.

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục cấp hoặc đổi biển số xe từ màu trắng (dành cho xe không kinh doanh vận tải) sang màu vàng (dành cho xe kinh doanh vận tải) và ngược lại.

d) Thông báo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm của lái xe trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh về Sở Giao thông vận tải.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp UBND cấp huyện quy định vị trí tập kết rác thải tập trung bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan hoạt động vận chuyển phế thải và phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường liên quan đến hoạt động xe vệ sinh môi trường, xe ô tô vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải rời theo quy định.

4. Sở Tài chính

Phối hợp thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh, kiến nghị xử lý các vi phạm về giá theo thẩm quyền.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật đối với người khuyết tật. Rà soát, tham mưu UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người khuyết tật tham gia giao thông phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

6. Ban An toàn giao thông tỉnh

Tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Quy định này để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải rà soát, đề xuất lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ phù hợp với Quy định này đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết, chấp hành.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải

1. Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ.

2. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật theo đúng quy định này.

3. Thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật hiện hành; bố trí nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật, và các đối tượng ưu tiên khác lên xuống xe./.